

PHÒNG GD&ĐT ĐÔNG TRIỀU
TRƯỜNG TH MẠO KHÊ B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 156/TB-THMKB

Mạo Khê, ngày 5 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO

"V/v công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách nhà nước, nguồn khác
Quý II- năm 2023 "

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ quyết định số: 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2023";

Căn cứ tình hình thực hiện thu-chi nguồn ngân sách, nguồn khác Quý II- năm 2023 của trường TH Mạo Khê B.

Nhà trường thông báo công bố công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, nguồn khác Quý II năm 2023 theo biểu thực hiện dự toán thu-chi ngân sách, nguồn khác Quý II năm 2023 ngày 5./.7./2023.

Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở cơ quan và đưa lên trang thông tin điện tử của trường.

Địa điểm niêm yết:

+ Bảng tin phòng hội đồng trường tiểu học Mạo Khê B.

+ Địa chỉ trang điện tử: thmaokhe2@dongtrieu.edu.vn

Nơi nhận:

- Tổ trưởng VP: công khai;
- Lưu: VP.



Nguyễn Lan Hương

Đơn vị: TRƯỜNG TIỂU HỌC MẠO KHÊ B
Chương: 622 - 070 - 072

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đông Triều, ngày 05 tháng 7 năm 2023

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC QUÝ II NĂM 2023

(Kèm theo thông báo số: 156/TB - THMKB ngày 5/7/2023 của trường Tiểu học Mạo Khê B)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Căn cứ quyết định số: 298/QĐ-PGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của phòng Giáo dục & Đào tạo thị xã Đông Triều "Về việc giao dự toán ngân sách năm 2023";

Trường Tiểu học Mạo Khê B công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2023 như sau:

Số TT	Nội dung	Dự toán đầu năm 2023	Thực hiện quý II năm 2022	Thực hiện quý II/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện quý II nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
	Chênh lệch thu lớn hơn chi chưa phân phối năm trước chuyển sang (*)	864.946			
1	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	864.946			
A	Tổng số thu, chi				
I	Số thu	6.979.461.145	3.402.937.607	49	0,77
1	Tiền ăn + chi phí gián tiếp(chất đốt, điện, nước.....)	3.293.780.000	1.186.940.000	36	3,08
2	Tiền cấp dưỡng	400.644.500	350.644.500	88	0,00
3	Tiền Quản lý học sinh trong giờ bán trú	764.696.600	564.696.600	74	0,30
4	Tiền học TA với người nước ngoài	932.460.000	632.460.000	68	3,72
5	Tiền điện điều hòa	37.152.000	5.589.408	15	0,00
6	Tiền học tin học	183.483.500	133.483.500	73	0,20
7	Tiền học tiếng anh tự chọn lớp 1+2	88.275.000	58.275.000	66	0,69
8	Tiền học kỹ năng sống	600.675.000	395.675.000	66	10,65

9	Tiền nước uống	68.459.000	36.379.000	53	0,05
10	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	30.232.846	29.367.900	97	0,92
11	Tiền BHYT học sinh	552.000.000	0	0	0,00
12	Tiền hoàn trả BHYT học sinh	1.526.000	0	0	0,00
13	Tiền thưởng	16.650.000	0	0	0,00
14	Tiền thù lao thu BHYT	9.426.699	9.426.699	0	0,00
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	6.979.461.145	3.402.937.607	49	0,77
1	Tiền ăn + chi phí gián tiếp(chất đốt, điện, nước.....)	3.293.780.000	1.186.940.000	36	3,08
2	Tiền cấp dưỡng	400.644.500	350.644.500	88	0,00
3	Tiền Quản lý học sinh trong giờ bán trú	764.696.600	564.696.600	74	0,30
4	Tiền học TA với người nước ngoài	932.460.000	632.460.000	68	3,72
5	Tiền điện điều hòa	37.152.000	5.589.408	15	0,00
6	Tiền học tin học	183.483.500	133.483.500	73	0,20
7	Tiền học tiếng anh tự chọn lớp 1+2	88.275.000	58.275.000	66	0,00
8	Tiền học kỹ năng sống	600.675.000	395.675.000	66	10,65
9	Tiền nước uống	68.459.000	36.379.000	53	0,00
10	Tiền chăm sóc sức khỏe ban đầu	30.232.846	29.367.900	97	0,00
11	Tiền BHYT học sinh	552.000.000	0	0	0,00
12	Tiền hoàn trả BHYT học sinh	1.526.000	0	0	0,00
13	Tiền thưởng	16.650.000	0	0	0,00
14	Tiền thù lao thu BHYT	9.426.699	9.426.699	100	0,00
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	6.145.930.256	2.562.460.455	42	91
I	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	5.946.000.000	2.562.460.455	43,1	47
1	Chi thanh toán cho cá nhân	4.750.000.000	2.200.136.003	46,3	47
	Mục 6000: Tiền lương	2.593.000.000	1.207.377.531	46,6	49
	Mục 6100: Phụ cấp lương	1.352.000.000	650.999.012	-	51
	Mục 6200: Tiền thưởng	20.000.000		0,0	0
	Mục 6250: Phúc lợi tập thể	20.000.000		0,0	0
	Mục 6300: Các khoản đóng góp	735.000.000	330.703.660	45,0	48
	Mục 6400: Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	30.000.000	11.055.800	36,9	6

2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	1.056.000.000	290.999.452	27,6	42
	Mục 6500: Thanh toán dịch vụ công cộng	85.000.000	25.104.752	29,5	30
	Mục 6550: Vật tư văn phòng	115.000.000		0,0	0
	Mục 6600: Thông tin tuyên truyền liên lạc	29.000.000	11.440.000	39,4	39
	Mục 6650: Hội nghị	35.000.000	-	0,0	0
	Mục 6700: Công tác phí	46.000.000	7.220.000	15,7	16
	Mục 6750: Chi phí thuê mướn	120.000.000	38.561.200	32,1	48
	Mục 6900: Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng.	338.000.000	89.302.500	26,4	59
	Mục 6950: Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	65.000.000		0,0	0
	Mục 7000: Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	190.000.000	119.371.000	62,8	95
	Mục 7050: Mua sắm tài sản vô hình	33.000.000	-	0,0	0
3	Các khoản chi khác	140.000.000	71.325.000	50,9	82
	Mục 7750: Chi khác	140.000.000	71.325.000	50,9	82
II	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	199.930.256	-	0,0	0
1	Chi thanh toán cá nhân	116.900.000	-	0	
	Mục 6100: Phụ cấp lương	98.000.000		0	
	Mục 6150: Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, SV, CB đi học	18.900.000		0	
2	Chi nghiệp vụ chuyên môn	83.030.256	-	0	
	Mục 6900: Bổ sung sách thư viện, công tác PCCC và Bồi dưỡng thường xuyên	83.030.256	-	0	



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Lan Hương